TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 118/2018/QĐST-VHNGĐ	*Sóc Trăng, ngày 09 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 125/2018/TLST-VHNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Ông **Nguyễn Ngọc M**, sinh năm 1985.

Hộ khẩu thường trú: Số 222/22/31, đường TĐT, khóm M, phường N, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: Số 335, khu vực 1, phường BL, quận CR, thành phố Cần Thơ.

- Người yêu cầu: Bà **Vương Thị Thu B**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 222/22/31, đường TĐT, khóm M, phường N, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vương Thị Thu B với ông Nguyễn Ngọc M tự nguyện sống chung vào năm 2004 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 22/8/2007. Trong thời gian chung sống, đến khoảng tháng 01 năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến về vấn đề kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi vả, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 01 năm 2018 đến nay, bà B với ông M đã không còn sống chung như vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà B với ông M đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã không còn chung sống từ đầu năm 2018 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Vương Thị Thu B với ông Nguyễn Ngọc M.

[2]. Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc M và bà Vương Thị Thu B thỏa thuận sau khi ly hôn, bà B được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 19/01/2008 và Nguyễn Nhất D, sinh ngày 17/12/2017 đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Ngọc M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 14/4/2006 đến tuổi trưởng thành. Ông M và bà B không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc thoả thuận người trực tiếp nuôi con của ông bà phù hợp với pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu T và cháu H và phù hợp với Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Ngọc M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con là cháu Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Nhất D. Bà Vương Thị Thu B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con là cháu Nguyễn Thị Thu H, không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu.

[4]. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Ngọc M đồng ý chịu lệ phí ly hôn là 150.000 đồng. Bà Vương Thị Thu B đồng ý chịu lệ phí ly hôn là 150.000 đồng.

Xét thấy, việc thỏa thuận của ông bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1985 và bà Vương Thị Thu B, sinh năm 1989 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc M và bà Vương Thị Thu B thỏa thuận sau khi ly hôn, con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 19/01/2008 và Nguyễn Nhất D, sinh ngày 17/12/2017 giao cho bà B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 14/4/2006 giao cho ông M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà B và ông M không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Ngọc M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con là cháu Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Nhất D. Bà Vương Thị Thu B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con là cháu Nguyễn Thị Thu H, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Ngọc M đồng ý chịu lệ phí ly hôn là 150.000 đồng. Bà Vương Thị Thu B đồng ý chịu lệ phí ly hôn là 150.000 đồng. Sau khi khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng ông M đã nộp theo biên lai thu số 0004665 và số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng bà B đã nộp theo biên lai thu số 0004664 cùng ngày 11/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Ông M, bà B đã nộp xong lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND-TPST;
- Chi cục THADS-TPST;
- Tòa án nhân dân TST;
- UBND phường 5, TPST;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Lý Bích Khiếm